

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 28/2021/DS-PT

Ngày: 25/11/2021

V/v tranh chấp bồi thường thiệt
hại do tài sản bị xâm phạm.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trà

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Hải

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Duy Phương là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2021/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TS bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ch – Sinh năm: 1957; Cư trú tại: Thôn PT, xã TP, huyện TS tỉnh BD; (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lương Thị Tuyết Ng – Sinh năm: 1970; Cư trú tại: Thôn HS, xã BT, huyện TS, tỉnh BD; (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Duy T – Sinh năm: 1982 (vắng mặt)

- Ông Lương Trung T – Sinh năm: 1990 (vắng mặt)

- Ông Lương Trung T – Sinh năm: 1992 (có mặt)

Đồng trú: Thôn PT, xã TP, huyện TS, BĐ.

- Bà Lương Thị Mỹ D – Sinh năm: 1961 (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Tân L – Sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Đồng trú: Thôn PL, xã BT, huyện TS, BĐ.

4. Người làm chứng: Ông Nguyễn Tân T – Sinh năm: 1978; Cư trú tại: Thôn PL, xã BT, huyện TS, BĐ. (vắng mặt)

5. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ch là nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch trình bày: Thừa đất số 123, diện tích 822m², (trong đó có 200m² đất ở; 622m² đất trồng cây hàng năm khác) và thửa đất số 184, diện tích 571m², loại đất: trồng cây hàng năm khác. Hai thửa đất nói trên đều thuộc tờ bản đồ số 5, nằm liền kề nhau, tọa lạc tại thôn PL, xã BT, huyện TS, tỉnh BĐ là thuộc sở hữu của bà Lê Thị Bình (mẹ chồng bà Ch), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1999 trở về trước thì bà Bình canh tác 02 thửa đất này. Sau khi bà Bình chết (năm 1999) thì vợ chồng bà Ch canh tác liên tục cho đến nay. Đến năm 2007, chồng bà là ông Lương Trung Nghĩa đã được Ủy ban nhân dân huyện TS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất này. Đến năm 2010, Nhà nước thu hồi thửa đất số 184 để làm đập dâng Văn Phong.

Năm 2007, gia đình bà trồng bạch đàn trên toàn bộ thửa đất số 123, giống cây do bà uơm trồng (khoảng 800-900 cây), gia đình bà đã thu hoạch cây đợt 1. Sau đó, bà nghe bà con xung quanh nói rằng bà Lương Thị Tuyết Ng có vào phát dọn trên thửa đất này, bà đã gặp bà Ng và phản đối việc bà Ng tự ý phát dọn trên thửa đất của gia đình bà. Trong quá trình bà chăm bón cho cây tái sinh, tuy bà không đếm cụ thể nhưng bà xác định tổng số gốc cây bạch đàn trồng đợt đầu là 700 gốc, qua tái sinh số cây tăng lên gấp hai, gấp ba lần, với số cây khoảng 1.560 cây. Đến năm 2019, vợ chồng bà Ng tự ý đem bán toàn bộ số cây bạch đàn bà trồng (cây tái sinh) nói trên cho ông Nguyễn Tân Tài. Tuy nhiên, bà không thống nhất với số tiền bán cây bạch đàn là 6.000.000 đồng, theo bà số tiền bán cây bạch đàn nói trên phải là 21.000.000 đồng nên bà yêu cầu bà Ng bồi thường số tiền 21.000.000 đồng cho bà.

Bị đơn bà Lương Thị Tuyết Ng trình bày: Hộ gia đình mẹ ruột bà là bà Lê Thị Bình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 06 thửa đất. Bà canh tác 02 thửa đất trong các thửa đất mà mẹ bà để lại. Tuy nhiên, Nhà nước đã thu hồi 01 thửa đất để xây dựng đập dâng Văn Phong, bà đã nhận tiền đền bù 01 thửa đất còn 01 thửa đất (khoảng 35.000.000đồng) bà chia cho 05 anh chị em trong gia đình, trong đó nhà bà Ch nhận 17.000.000đồng. Vợ chồng bà Ch đang canh tác 02 thửa đất, trong đó có thửa đất số 123 tờ bản đồ số 5 tại thôn PL, xã BT, huyện TS là thửa đất có nhà ở. Thửa đất nói trên là cấp cho mẹ bà là bà Lê Thị

Bình, tại thời điểm Nhà nước cấp đất cho hộ gia đình mẹ bà thì có tên bà trong hộ. Khi mẹ bà mất thì vợ chồng bà Ch tiếp tục canh tác. Sau đó thì bà được biết ông Nghĩa đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Đến tháng 10/2019 (âm lịch) bà trực tiếp liên hệ, thỏa thuận bán cây bạch đàn cho ông Nguyễn Tấn Tài với giá 6.000.000đồng (chồng bà là ông Nguyễn Tấn Lực có biết việc bà bán cây nhưng không tham gia).

Bà thừa nhận cây trên thửa đất số 123 nói trên là của bà Ch trồng, việc bà tự ý bán cây của bà Ch là bà không đúng nên bà chấp nhận bồi thường số tiền 6.000.000đồng cho bà Ch, bà không đồng ý bồi thường với số tiền mà bà Ch yêu cầu là 21.000.000đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Anh Nguyễn Duy T, anh Lương Trung T, anh Lương Trung T trình bày: Vào năm 2007, mẹ các anh là bà Ch có trồng bạch đàn trên thửa đất số 123, tờ bản đồ số 5 tại đội 8, thôn PL, xã BT, huyện TS. Trong quá trình trồng các anh và cô ruột là Lương Thị Mỹ Dung có phụ giúp bà Ch. Năm 2013 mẹ các anh đã bán cây trồng trên thửa đất này cho ông Tài. Đến năm 2019, vợ chồng ông Lực và bà Ng tự ý bán cây bạch đàn của mẹ các anh trồng tại thửa đất cho ông Tài. Nay các anh cũng thống nhất như yêu cầu khởi kiện của mẹ các anh là bà Ch, yêu cầu vợ chồng bà Ng phải bồi thường số tiền là 21.000.000đồng.

- Bà Lương Thị Mỹ D trình bày: Bà là con ruột ông Lương Kim Trọng (chết năm 1996), bà Lê Thị Bình (chết năm 1999), cha mẹ bà chết không để lại di chúc. Khi cha mẹ bà mất thì vợ chồng bà Ch quản lý và canh tác trên hai thửa đất số 123, 145, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại thôn PL, xã BT mà cha mẹ bà để lại. Bà Ch trồng cây bạch đàn trên đất từ năm 2007, trong quá trình bà Ch trồng thì bà có qua phụ giúp. Đến tháng 10/2019, bà Ng có nói với bà là bán số cây bạch đàn bà Ch trồng để lấy tiền giỗ mẹ thì bà đồng ý và sau đó bà Ng đã bán số cây bạch đàn nói trên cho ông Tài với giá là 6.000.000đồng. Sau đó, bà Ng đưa số tiền này cho bà để bà lo đám giỗ cho mẹ.

Nay bà Ch khởi kiện yêu cầu bà Ng bồi thường số cây bạch đàn mà bà Ng đã bán thì bà thống nhất nhưng chỉ với số tiền là 6.000.000đồng, bà không đồng ý việc bà Ch yêu cầu bà Ng bồi thường số tiền 21.000.000đồng.

- Ông Nguyễn Tấn L trình bày: Ông là chồng của bà Ng, sự việc vào tháng 10/2019 (âm lịch) vợ ông là bà Ng bán cây bạch đàn của bà Ch trồng thì ông có nghe bà Ng nói, còn nội dung cụ thể như thế nào thì ông không rõ. Ngày bán cây, ông chỉ chở bà Ng ra thửa đất trồng cây, bà Ng tự gọi người thỏa thuận về việc mua bán cây, ông không tham gia nên không biết. Nay bà Ch khởi kiện thì ông không có yêu cầu gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TS đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch. Buộc bà Lương Thị Tuyết Ng phải bồi thường cho bà Ch số tiền là 6.000.000đồng về khoản thiệt hại (cây bạch đàn) của bà Ch do bà Ng gây ra vào năm 2019.

Bác yêu cầu của bà Ch về việc đòi bà Lương Thị Tuyết Ng phải bồi thường số tiền 21.000.000đồng trên 1.560 cây bạch đàn vì không có chứng cứ để chứng minh, không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu bà Ng phải bồi thường số tiền 21.000.000đồng.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND tỉnh Bình Định phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử xong, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch không đồng ý nên làm đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc bà Lương Thị Tuyết Ng bồi thường cho bà số tiền là 21.000.000đồng.

Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Năm 2007, gia đình bà Nguyễn Thị Ch trồng bạch đàn trên thửa đất số 123, đã thu hoạch cây đợt một vào năm 2013. Trong quá trình bà chăm sóc cho cây tái sinh, bà không đếm cụ thể nhưng bà xác định tổng số gốc cây bạch đàn trồng đợt đầu là 700 gốc, qua tái sinh số cây tăng lên gấp hai, gấp ba lần, khoảng 1.500 cây. Đến năm 2019, vợ chồng bà Lương Thị Tuyết Ng tự ý chặt bán toàn bộ số cây bạch đàn bà trồng (cây tái sinh) nói trên cho ông Nguyễn Tấn Tài.

[2] Theo biên bản thẩm định, định giá tài sản ngày 16/4/2021, tại thửa đất số 123, tờ bản đồ số 5, có diện tích 1393m² tọa lạc tại thôn PL, xã BT, huyện TS xác định tổng số cây bạch đàn là 780 cây, loại cây 06 năm tuổi, bà Ch có mặt và đã ký tên vào biên bản. Việc tính giá trị thiệt hại được thực hiện theo Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định với số tiền thiệt hại là 4.680.000đồng nhưng ông Nguyễn Tấn Tài mua số cây bạch đàn do bà Ng bán là 6.000.000đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Ng bồi thường cho bà Ch 6.000.000đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Ch kháng cáo nhưng không đưa ra chứng cứ gì mới về việc bồi thường nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ch là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Đại diện VKSND tỉnh BD phát biểu đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Điều 12, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TS.

1. Buộc bà Lương Thị Tuyết Ng phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ch số tiền là 6.000.000đồng. (Sáu triệu đồng chẵn)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về chi phí xem xét, định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Ch đã nộp 2.500.000đồng. Buộc bà Lương Thị Tuyết Ng phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Ch số tiền 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lương Thị Tuyết Ng phải chịu 300.000đồng.

Bà Nguyễn Thị Ch không phải chịu án phí và được hoàn trả 525.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006769 ngày 07/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TS.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ch được miễn nên được hoàn lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006941 ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TS.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BD;
- TAND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Trà

Các thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hải

Nguyễn Thanh Tuấn

Nguyễn Thanh Trà